

VẤN ĐỀ “CÁNH TẢ” VÀ “CÁNH HỮU” CỦA CÁC ĐẢNG CHÍNH TRỊ ĐỨC NGÀY NAY

TSKH. Lương Văn Kế

Khoa Quốc tế học - Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

1. Quan niệm về đảng Cánh Tả và đảng Cánh Hữu

Lịch sử của các chính đảng Cánh Tả nói chung và của Đảng Xã hội Dân chủ Đức nói riêng phản ánh những khúc quanh của phong trào Marxist và phong trào công nhân ở Đức và châu Âu. Nó cũng phản ánh tương quan giữa các lực lượng chính trị trong cục diện chính trị quốc tế, phản ánh con đường khúc khuỷu của đi đến một xã hội xã hội chủ nghĩa dân chủ hiện đại. Căn cứ vào đâu để có thể coi một đảng nào đó là Cánh Tả? Sự phân loại Tả - Hữu là một câu chuyện phức tạp. Người ta có thể ngược dòng lịch sử để truy tìm từ nguyên của khái niệm *đảng Cánh Tả* và *đảng Cánh Hữu* cũng như ý nghĩa hết sức khác nhau về văn hoá, dân tộc học và chính trị học của trục quan hệ đối lập này ở các dân tộc và khu vực¹.

Ở phương Tây cũng có sự không thống nhất về tiêu chí phân chia khuynh hướng tư tưởng chính trị thành Cánh Tả và Cánh Hữu. Người châu Âu hiểu đảng Cánh Tả là đảng mang cách nhìn chiều ngang (horizontal),

ủng hộ sự công bằng, cải cách xã hội và hướng tới tương lai; còn đảng Cánh Hữu có khuynh hướng nhìn theo chiều thẳng đứng (vertical), theo đuổi quan điểm duy trì tôn ti, có tính bảo thủ, công bằng xã hội và coi trọng giá trị tôn giáo. Trong khi đó người Mỹ cho rằng không riêng gì các đảng Cánh Tả theo đuổi giá trị công bằng, mà ngay các chính đảng thiên hữu cũng nói nhiều về công bằng (Justice). Hơn nữa, tính chất Tả - Hữu cũng thay đổi theo thời gian. Chẳng hạn, thời cổ đại trong các huyền thoại thì Hữu thuộc về Chúa trời linh thiêng, còn Tả là đối thủ của Chúa trời. Trong khi đó người Trung Quốc lại hiểu Tả - Hữu là hai yếu tố cấu thành nương tựa vào nhau, quan trọng không kém gì nhau (ví dụ, chức tả tướng quốc chỉ tướng võ, còn hữu tướng quốc chỉ tướng văn, cả hai đều là cánh tay đắc lực của vua). Có người hiểu Tả là vì lợi ích của người lao động, ủng hộ sự can thiệp của nhà nước đối với kinh tế, còn Hữu là vì lợi ích của giới chủ, khước từ can thiệp của nhà nước. Tuy nhiên trên đại thể, các thủ lĩnh chính đảng khá nhất trí với nhau rằng: phân chia Tả - Hữu là những khuôn khổ định hướng nhằm tranh thủ cử tri trong bầu cử².

¹ Xem: Lương Văn Kế: *Con đường trở thành đảng cầm quyền hiện đại của Đảng Xã hội Dân chủ (SPD) ở CHLB Đức*. Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 2 (77), 2-2007, tr. 16-26; Klaus von Beyme: *Parteien im Wandel (Các chính đảng đang biến đổi)*. Darmstadt, 2000, tr. 66; Vương Ân Vịnh (chủ biên): *Chính trị địa lí học*. Bắc Kinh 1999.

² Xem: Klaus von Beyme: *Parteien im Wandel*. Darmstadt, 2000, tr. 66.

Nhưng câu chuyện xa xưa đó đem lại không mấy ý nghĩa cho việc đánh giá tính phức tạp và bất ổn định về mặt tư tưởng cũng như tính chất thực dụng của hệ thống chính đảng ngày nay. Cái đáng quan tâm là ở chỗ, *Đảng Xã hội Dân chủ Đức* (SPD), với tư cách một đảng "*Cánh Tả*", là một trong hai trụ cột cao lớn và thành công nhất, có uy tín lớn nhất đóng vai trò lãnh đạo nước Đức, từ năm 2005 - 2009 đã liên danh cùng với *Liên minh Dân chủ Thiên Chúa giáo* (CDU) "*Cánh Hữu*" thiết lập một chính phủ "*Đại liên minh*". Đây là một bằng chứng mới về sự biến chuyển cơ bản trong hệ tư tưởng, lý tưởng chính trị của các chính đảng hiện đại. Hai đảng vốn đối lập nhau ngày nay sẵn sàng bỏ qua tất cả để thiết lập một liên minh nhằm thu tóm được chính quyền quốc gia về tay mình. Do đó người ta có thể đồng ý với ý kiến một số học giả khi cho rằng, thời của đối lập Tả - Hữu đã qua rồi, thậm chí không còn khái niệm *trung tả* hay *trung hữu* nữa, vì đại đa số chính đảng hiện nay đều có thể xem là các *đảng ở giữa, đảng trung dung* mà thôi. Câu khẩu hiệu được ưa chuộng ngày nay ở Đức là: *Ai đứng trung dung, người đó có tất cả lựa chọn quyền lực!* (Wer in der Mitte steht, hat alle Machtoptionen), đúng như nhận định của nhà phân tích chính trị Franz Walter - giáo sư Đại học Goettingen. Đây cũng là một nguyên nhân ý thức hệ dẫn đến sự phân ly trong nội bộ Đảng Xã hội Dân chủ, trong đó lực lượng tả khuynh cấp tiến đứng đầu là Oskar Lafontaine đã quyết định rời bỏ nó để gia nhập lực lượng Cánh Tả thực chất hơn do đảng của chủ nghĩa xã hội dân chủ (tức Đảng Cộng sản ở Đông Đức) lãnh đạo.

Tình hình chính đảng ở Đức phản ánh trạng thái điển hình của các nước dân chủ hiện đại, trong đó có hai nhóm đảng phân biệt nhau, trong nhiều trường hợp là đối lập nhau, mỗi nhóm có một chính đảng mạnh làm nòng cốt. Theo truyền thống của nền chính trị phương Tây, người ta phân biệt một phái là "*tả khuynh*" và phái đối lập kia là "*hữu khuynh*". Chẳng hạn, ở Anh, lực lượng Cánh Tả tập trung xung quanh Đảng Lao động (Công Đảng/Labor Party), còn lực lượng Cánh Hữu tập trung ở Đảng Bảo thủ (Conservative Party). Tương tự, ở Pháp Đảng Xã hội và Đảng Cộng sản là chủ chốt của phe tả, còn Liên minh vì nền Cộng hoà là chủ chốt của phe hữu.

Ngày nay, phần lớn các nhà nghiên cứu các đảng chính trị hiểu "*Tả*" là vì lợi ích của người lao động và người nghèo, ủng hộ sự can thiệp của nhà nước đối với kinh tế và xã hội, ủng hộ xu thế hoà hiếu trong quan hệ quốc tế; Còn "*Hữu*" là vì lợi ích của giới chủ, chủ trương tự do kinh tế tư nhân, khước từ can thiệp của nhà nước, bảo vệ lợi ích dân tộc, quốc gia và duy trì các giá trị truyền thống. Tuy nhiên trên đại thể, các thủ lĩnh chính đảng khá nhất trí với nhau rằng: phân chia "*Tả - Hữu*" là những khuôn khổ *định hướng nhằm tranh thủ cử tri trong bầu cử*³. Các chính đảng chủ chốt trong nền chính trị đa nguyên thường ít khi cực đoan, cực tả hay cực hữu, mà thường có quan điểm "*trung tả*" hoặc "*trung hữu*".

³ Xem: Klaus von Beyme: *Parteien im Wandel (Các chính đảng đang biến đổi)*. Darmstadt, 2000, tr. 66; Vương Ân Vĩnh (chủ biên): *Chính trị địa lí học*. Bắc Kinh 1999.

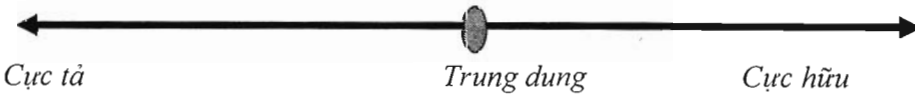
Đôi khi người ta biểu thị tính chất Tả - Hữu bằng màu sắc biểu tượng của các chính đảng, ví dụ màu *đỏ* tượng trưng cho Cánh Tả (đảng xã hội, đảng lao động, hay đảng cộng sản), màu *đen* tượng trưng cho Cánh Hữu (đảng quốc gia, Cơ đốc giáo), màu *xanh lá cây* của Đảng Xanh. Cũng có một số đảng lấy biểu tượng của mình là các con vật quen thuộc như con lừa, con trâu, con voi...

Ngoài hai phe đối lập tả hữu ra còn có những chính đảng "đứng giữa"/ trung dung. Các đảng phái trong cương lĩnh chính trị có những điểm thể hiện quan điểm hữu khuynh, nhưng lại có những lĩnh vực tỏ ra tả khuynh; về mặt liên kết tạo đồng minh, khi thì họ liên

minh với đảng chính của phe hữu, khi thì lại có thể liên minh với phe tả để tham chính trên cơ sở những thoả hiệp lợi ích nào đó, thì có thể được xếp vào loại chính đảng "*trung dung*". Cũng có trường hợp một đảng nhỏ có thể chuyển động linh hoạt mang tính cơ hội chủ nghĩa, từ một đảng rất "*hữu*" sang một phía rất "*tả*", đặc biệt trong hoàn cảnh quốc gia đó xuất hiện *khủng hoảng hệ thống*. Các đảng như Đảng Tự do Dân chủ (FDP), hay Đảng Xanh v.v... ở Đức là những đảng kiểu như vậy. Chúng ta có thể biểu diễn tương quan tả hữu của các chính đảng bằng sơ đồ sau:

Bảng 1. Tương quan tả hữu giữa các chính đảng Đức

DKP, MLPD	Đảng Cánh Tả	LM90/ Đảng Xanh	SPD	FDP	CDU	CSU	REP, DVU, NDP
--------------	--------------------	-----------------------	-----	-----	-----	-----	---------------------



(Trong biểu này chỉ nêu các đảng chủ chốt có đại diện trong Quốc hội và một vài đảng thường được nhắc đến trong dư luận).

Sở dĩ các đảng Cánh Tả Đức rơi vào khủng hoảng như ngày nay có một nguyên nhân cơ bản là do họ mất phương hướng, không xây dựng được một cách nhìn chung mới mẻ và một chiến lược nhằm chống lại chủ nghĩa tự do mới trên phạm vi toàn cầu và châu Âu.

Khi quan sát hai khuynh hướng tả và hữu trong đời sống chính trị, giới chính trị và các cơ quan luật pháp đặc biệt quan tâm đến các biến thái cực đoan của các lực lượng chính trị. Phái cực đoan của phe tả được xem là nhóm "*cực tả*" (left radical) và tương ứng

là nhóm "*cực hữu*" (right radical). Các nhà lập pháp Đức có thái độ đề phòng cả hai khuynh hướng cực đoan này với mức độ gần như nhau, trong đó có vẻ e dè phe cực hữu hơn. Đây là sự trái ngược về hệ tư tưởng của hai phe này và các nhà lập pháp lo ngại điều gì nhất?

2. Về các đảng phái chính trị "cực tả"

Giới chính khách Đức xem các nhóm có tư tưởng cộng sản đi theo cương lĩnh đấu tranh lật đổ chủ nghĩa tư bản hay trật tự tư sản *bằng bạo lực cách mạng* là nhóm cực tả. Vì quan niệm đấu tranh bạo lực đã bị loại ra khỏi tinh thần của Hiến pháp các nhà nước dân chủ hiện đại nói chung và của Cộng hòa Liên bang Đức nói riêng, do đó Đảng Cộng sản Đức (KPD) tái thiết lập sau Chiến tranh thế giới II và đã từng có chân trong Quốc hội Liên bang khoá đầu tiên (1949 - 1953) đã bị cấm hoạt động kể từ năm 1956 theo quyết nghị của Toàn án Hiến pháp Liên bang. Đến năm 1968, trong không khí cách mạng tả khuynh ở Tây Âu, đảng này đã được tái lập với tên gọi Đảng Cộng sản Đức. (Trong tiếng Đức, tên gọi mới này chỉ là sự thay đổi trật tự từ và đổi danh từ "*Đức*" thành tính từ "*Đức*" từ tên gọi cũ: Kommunistische Partei Deutschlands KPD > Deutsche Kommunistische Partei DKP). Đảng DKP có liên hệ mật thiết với nhà nước Cộng hòa Dân chủ Đức dưới sự lãnh đạo của Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức (SED cũ). Trong các cuộc bầu cử Quốc hội Liên bang, DKP

chưa khi nào giành được trên 0,3% phiếu bầu⁴, do đó không thể có chân trong Quốc hội. Để không chế "*tác hại*" của lực lượng được xem là cực tả này, nhà nước Cộng hòa Liên bang Đức không thể tái áp dụng trở lại biện pháp cấm đoán do tình hình quốc tế đã thay đổi và sự phê phán của dư luận, nên họ chỉ đưa ra các biện pháp rà soát kỹ, đề phòng các đảng viên của đảng này làm việc trong các lĩnh vực nhạy cảm như quản lý, dịch vụ công cộng. Tuy nhiên vào năm 1972, Thủ tướng Liên bang và chính phủ các bang (Tây Đức cũ) đã ký kết một sắc lệnh về chủ nghĩa cực đoan (Radikalenerlass) cho phép áp dụng các biện pháp trấn áp, trước hết là trấn áp các nhóm cực tả. Điều đó đã ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh nhà nước tự do dân chủ pháp quyền của Cộng hòa Liên bang Đức ở nước ngoài. Tuy nhiên tình hình cho thấy mọi biện pháp quản lý để chống lại chủ nghĩa cực tả không có mấy tác dụng, do đó người ta đã đặt vấn đề về hiệu lực của sắc lệnh này.

Trên thực tiễn đời sống chính trị, đại đa số thành viên các nhóm cực tả là sinh viên. Các nhóm này có gốc gác từ phong trào đấu tranh của sinh viên Tây Âu những năm 1968 -1972 theo tư tưởng giáo điều, thậm chí có màu sắc Maoist. Điển hình trong số đó là nhóm mang tên Nhóm đại biểu Hồng quân (Rote Armee Fraktion/ RAF), vận dụng các thủ đoạn khủng bố để chống lại chế độ Cộng

⁴ K. Schortheimer/ W. Bleek: *Các cơ sở của hệ thống chính trị Đức* (tiếng Đức). Muenchen 1999, tr. 254.

hòa Liên bang Đức, nhằm trước hết vào các ông chủ tư bản, các lãnh đạo chính trị, chống lại các biện pháp an ninh của nhà chức trách. Hậu quả là nảy sinh nhiều xung đột và căng thẳng trong xã hội về nguyên lý tự do và dân chủ của hệ thống chính trị Đức.

Sau khi tái thống nhất nước Đức, nhà nước tư bản Cộng hòa Liên bang Đức đã thực hiện một sự chuyển chính với các lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Cộng hòa dân chủ Đức, vì họ coi Đảng SED cầm quyền là một đảng "*cực tả*" và có nhiều liên đới với các lực lượng cực tả ở Tây Đức cũ. Do đó, đa số các uỷ viên bộ chính trị đảng SED đều phải ra toà, ngồi tù, có người bị tù đến khi chết.

3. Về các đảng phái chính trị "cực hữu"

Một đặc điểm quan trọng và là ưu điểm của hệ thống chính trị Đức là hiếm khi các chính đảng chủ chốt lại đứng về phía đối lập đối với hệ thống dân chủ, nghĩa là không có đảng lớn nào biến thành cực tả hay cực hữu với tư cách các lực lượng chống lại dân chủ. Từ đó có thể suy ra, đại đa số công dân Đức không tán thành các quan điểm cực đoan chính trị. Sức mạnh của nhân dân đều tập trung vào một số chính đảng lớn thể hiện được tinh thần dân chủ cao. Nền dân chủ có kiểm soát của Cộng hòa Liên bang Đức luôn luôn phòng ngừa hoạt động của các nhóm cực hữu có liên hệ với các tàn dư tư tưởng và phương pháp của chủ nghĩa quốc xã. Mặc dù số lượng thành viên các đảng cực hữu như

Đảng Cộng hoà, Liên minh Dân tộc Đức (DVU) chỉ có không đến 20.000, nhưng chúng đã gây ra cả một làn sóng rầm rộ bài xích và khủng bố người nước ngoài (thường là dân làm thuê và tị nạn) ở Đức. Năm 1952, Toà án Hiến pháp Liên bang đã ra tuyên án cấm hoạt động đối với Đảng Đế chế xã hội (SRP) của bọn phát xít mới. Các đảng Cực Hữu tiếp nối đảng này thường xuyên bị giám sát chặt chẽ nhằm ngăn ngừa các hậu quả xấu bởi hệ tư tưởng và hành vi của chủ nghĩa phát xít mới gây ra như: Đảng Quốc gia Dân chủ (NPD) ra đời vào vào những năm 60 của thế kỷ 20, Đảng Cộng hoà (Republikaner) ra đời năm 1983. Trên thực tiễn, Đảng Quốc gia Dân chủ trong liên minh với các lực lượng tự do vào năm 1969 đã giành được 4,3% phiếu bầu, nhưng vẫn chưa đạt ngưỡng 5% để len chân vào Quốc hội Liên bang. Đảng Cộng hoà và Liên minh Dân tộc Đức (DVU) trong những năm 80 và 90 cũng đã từng chen chân vào được Nghị viện một vài bang. Vào tháng 4 năm 1998, DVU đã từng giành được 12,9% phiếu bầu vào nghị viện bang Sachsen-Anhalt (Đông Đức). Phong trào cực hữu phát triển rầm rộ vào thời kỳ một vài năm trước và sau khi tái thống nhất nước Đức, đặc biệt là ở Đông Đức. Cao trào của lực lượng này là chiến dịch khủng bố người nước ngoài đầu những năm 1990 khi nước Đức, đặc biệt là Đông Đức, rơi vào khó khăn chồng chất bởi sự nghiệp tái thiết và chuyển đổi của Đông Đức. Thời kỳ đó bọn chúng đã từng giương cao khẩu hiệu trong nhiều cuộc tuần hành đông nghịt ở nhiều nơi: *Nước Đức của người Đức* (Deutschland den

Deutschen!). Theo nghiên cứu của các nhà xã hội học, trong thập niên 60 của thế kỷ 20, có tới 10-15% cử tri ủng hộ bọn cực hữu.⁵ Điều đáng suy nghĩ là có tới 5% cử tri đi bầu lần đầu toàn nước Đức đã bỏ phiếu cho DVU, 13% cử tri trong độ tuổi 18-24 bỏ phiếu cho bọn cực hữu.⁶ Và lực lượng cực hữu, bọn phát xít mới vẫn là nỗi lo canh cánh cho sự yên bình của nước Đức dân chủ đa nguyên.

Tuy nhiên, các biện pháp giám sát, khống chế và ý thức chính trị cao của người dân Đức đã làm thất bại mọi mưu toan của các thù lĩnh cực hữu. Trong cuộc bầu cử Quốc hội Liên bang tháng 9 năm 1998, các đảng cực hữu chỉ giành được một số phiếu ít ỏi: Đảng Cộng hoà giành 1,8%, DVU - 1,2%, NDP - 0,3%. Điều đáng phấn khởi là ở chỗ, vai trò của các đảng cực hữu ngày càng giảm sút rõ rệt so với thời kỳ nước Đức bị chia cắt cũng như so với thời kỳ đầu mới thống nhất nước Đức. Mặc dầu vậy có lẽ nước Đức vẫn cần có cuộc cải cách nào đó về Hiến pháp và thay đổi tình trạng cử tri để triệt tiêu mọi mầm mống của chủ nghĩa cực hữu.

4. Nguy cơ của các đảng cánh tả Đức: Sự suy giảm số lượng đảng viên

Sức mạnh của các đảng chính trị phụ thuộc trước hết vào khả năng tập hợp quần chúng đi theo mình. Sức hấp dẫn của một chính đảng trước nhân dân thể hiện trước hết ở: (1) Sự sáng suốt của hệ tư tưởng

(tiền bộ); (2) Cương lĩnh mang tính thực tế cao để bảo đảm thực hiện được các hứa hẹn lợi ích với đại đa số cử tri; (3) Nhân cách của giới tinh hoa của đảng; (4) Nghệ thuật quảng bá hình ảnh và tranh cử của đảng. Để xây dựng đảng vững mạnh và chiếm một vai trò tích cực trong đời sống chính trị của đất nước, trước hết là giành quyền lập chính phủ, các chính đảng phải tích cực phát triển đảng viên trong nhân dân.

Ở Đức, thập niên 70 của thế kỷ XX là thời kỳ bùng nổ về số lượng đảng viên của các đảng. Đỉnh cao nhất về phát triển số lượng đảng viên là vào thời kỳ thống nhất nước Đức năm 1990. Nhưng sự tăng trưởng quan trọng đó về số lượng đảng viên không phải bao giờ cũng đem đến sự năng động và sức mạnh tác động đối với xã hội cho nội bộ đảng. Sau đó tất cả các đảng đều rơi vào tình trạng suy giảm số lượng đảng viên. Tệ hại nhất trong đó là sự tan rã của Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức (SED) (tức Đảng Cộng sản, 2,6 triệu đảng viên) cầm quyền ở CHDC Đức cũ. Hiện nay toàn Liên bang chỉ có chừng chưa đến 3% cử tri là đảng viên của các đảng chính trị, tức là vào khoảng 1,5 đến 1,8 triệu. Nhưng số đảng viên tích cực hoạt động chỉ khoảng 1/4 thậm chí 1/5 mà thôi.⁷ Bức tranh tương quan sức mạnh trong hệ thống đảng phái chính trị Đức thể hiện rõ trên số lượng đảng viên qua các thời kỳ như sau:

⁵ K. Schortheimer/ W. Bleek: sdd, tr. 258.

⁶ K. Schortheimer/ W. Bleek: sdd, tr. 259.

⁷ Ismayr, W. (ed.): *Die politischen Systeme Westeuropas*, tr. 467.

**Bảng 2. So sánh số lượng đảng viên của các đảng
có chân trong Quốc hội Liên bang 1952-2009**

Năm	CDU	CSU	SPD	FDP	Lm 90/ Đảng Xanh	PDS/ Đảng Cánh tả
1952	200.000	52.000	627.000	83.000		
1975	590.000	132.000	998.500	74.000		
1990	777.800	186.200	949.600	168.200	39.900	200.000
2001	608.560	177.852	717.513	64.063	45.000	83.000
2007	539.861	167.500	539.052	65.000	44.687	70.943

*Nguồn: Ismayr, W. (ed.): Die politischen Systeme Westeuropas, tr. 452;
http://de.wikipedia.org/wiki/Bundestag#Sechzehnter_Bundestag*

Số lượng đảng viên của các đảng lớn đã suy giảm một cách nhanh chóng. Đảng Xã hội Dân chủ SPD và Liên minh Dân chủ Thiên Chúa giáo là hai đảng lớn nhất và hiện nay đang liên minh với nhau để cầm quyền là những đảng chịu tổn thất to lớn nhất. Với Đảng Xã hội Dân chủ, nếu như vào tháng 5 năm 2006 số đảng viên còn trong đảng tịch là 575.404 người, thì cuối tháng 10 năm 2006 chỉ còn 565.500 người, tức giảm gần 10.000.

Trung bình một năm có khoảng 20.000 người xin ra khỏi đảng và 10.000 đảng viên chết. Số đảng viên gia nhập mới chỉ khoảng 4.500, không thấm tháp gì. Do đó từ tháng 10 năm 2005 đến tháng 10 năm 2006, SPD đã giảm đi 25.000 đảng viên. Số người xin ra khỏi đảng ồ ạt rơi vào thời kỳ 2003-2004. Nếu như năm 1998, khi Schroeder lên nắm

quyền, SPD có 755.000 đảng viên, thì vào cuối năm 2004, khi Schroeder từ chức Chủ tịch Đảng, số đảng viên của SPD chỉ còn 628.000 (giảm gần 130.000). Và vào cuối năm 2005 chỉ còn 590.000 (vẫn cao hơn năm 2007 là 25.000). Vậy là so với Liên minh Dân chủ Thiên Chúa giáo (CDU), số lượng đảng viên của đảng SPD chỉ nhiều hơn 6.500 mà thôi. Vị trí đảng lớn nhất Liên bang của nó đang bị thách thức. Cũng theo một báo cáo của SPD tại Trụ sở trung ương đảng ở Berlin, hầu hết các đảng bộ địa phương không thực hiện được chỉ tiêu kết nạp đảng viên mới: Chỉ có 3.600 đảng bộ trong tổng số 9.300 hoàn thành được chỉ tiêu này, trong đó 187 đảng bộ kết nạp thêm số đảng viên mới đủ bù cho số ra đi.

Liên minh Dân chủ Thiên Chúa giáo (CDU) cũng nằm trong tình trạng không

sáng sủa hơn là bao. Nếu như cuối năm 2005 đảng này có 571.000 đảng viên, thì cuối năm 2006 chỉ còn 559.000, chỉ ngang mức năm 1974. Trong khi đó, vào thời kỳ cuối của kỳ nguyên Helmut Kohl (1998), CDU có 626.000 đảng viên (nhiều hơn hiện nay 67.000). Nguyên nhân suy giảm là nhiều đảng viên xin ra đảng hoặc chết mà không có người bổ sung. Vấn đề nguy kịch của CDU là ở chỗ, phần lớn số người ra đi đó đều thuộc khối cử tri gốc thuộc giai cấp tư sản: 19% số người ra khỏi đảng là các chủ nghiệp độc lập và 37% là công chức. Đây là lần đầu tiên số lượng đảng viên của CDU nằm dưới mức 560.000 là "giới hạn kỳ diệu" (magic border). Do đó, trong đại hội đảng tại Dresden năm 2007, Tổng Thư ký đảng Ronald Pofalla kêu gọi triển khai một chiến dịch phát triển đảng viên mới, và Ban Chấp hành Trung ương Đảng không thể khoanh tay ngồi yên trước tình trạng suy thoái này. Ông nói: *"Đây là một dấu hiệu của sự ngạo mạn và mũ ni che tai, khi một chính đảng toàn dân cứ đứng ì ra đấy trước thực trạng đáng buồn"*.⁸

Kiểm điểm lại lịch sử các đảng chính trị hiện đại từ sau năm 1945, có thể thấy các chính đảng Đức, đặc biệt là các đảng lớn và các đảng cầm quyền hoặc tham chính như CDU, SPD, FDP, PDS v.v., đều có những điều chỉnh ở những mức độ khác nhau nội

dung Cương lĩnh Chính trị và Điều lệ của Đảng mình nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược, cao nhất là giành quyền lập chính phủ, tức trở thành đảng cầm quyền. Đảng với tư cách đại diện cho lợi ích của một giai cấp hay một tầng lớp xã hội đã biến chuyển thành đảng của toàn dân, chỉ có như vậy mới có thể giành được đa số phiếu bầu của cử tri để giành quyền lập chính phủ.

Số lượng các chính đảng tham gia Chính phủ Liên bang qua các thời kỳ là khá lớn. Việc phân tích cương lĩnh và hệ thống chính sách của các chính đảng then chốt ở Đức cũng đã có thể giúp có được những nhận định đúng đắn về khuynh hướng tư tưởng (tả khuynh, hữu khuynh hay trung dung) của từng chính đảng; Mặt khác giúp ta có được những hình dung khái quát về một hệ thống dân chủ đa đảng điển hình của châu Âu, trong đó các đảng cạnh tranh hoà bình với nhau bằng một trình độ văn hoá cao vì một xã hội dân chủ, phát triển, công bằng, thịnh vượng và văn minh.

Tài liệu tham khảo

1. Beyme, Klaus v.: *Pareien im Wandel (Các chính đảng đang biến chuyển)*. Wiesbaden. 2000.
2. Dittberner, J.: *"Sind die Parteien noch retten?" (Liệu còn cứu được các chính đảng không?)*. Berlin, 2004.

⁸ [Http://www.diewelt.de](http://www.diewelt.de), 28/11/2006.

3. Ismayr, W. (ed.): *Die politischen Systeme Westeuropas*. Leske + Budrich, Opladen, 2003.

4. Lương Văn Kế: *Bước ngoặt chính trị thứ hai của lịch sử Đức đương đại*. Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, 6 (24)/ 1998, tr. 37-45.

5. Lương Văn Kế: *Bức tranh lịch sử phát triển của hệ thống đảng chính trị hiện đại ở Cộng hoà Liên bang Đức*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, 1 (67) 2006, tr. 26-33.

6. Lương Văn Kế: *Con đường trở thành đảng cầm quyền hiện đại của Liên minh Dân chủ Thiên Chúa giáo (CDU) ở CHLB Đức*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, 7 (73), 2006, tr. 14-26.

7. Lương Văn Kế: *Con đường trở thành đảng cầm quyền hiện đại của Đảng xã hội dân chủ (SPD) ở CHLB Đức*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, 2 (77) 2007, tr. 15-26.

8. Lương Văn Kế: *Thế giới đa chiều. Lý thuyết và kinh nghiệm nghiên cứu khu vực*. Hà Nội 2007.

9. Wiesendahl, E.: *Mitgliederparteien am Ende? (Các chính đảng sắp cáo chung?)*. Wiesbaden, 2006.

10. Zehetmair, H. (ed.): *Das deutsche Parteiensystem (Hệ thống chính đảng Đức)*. Wiesbaden. 2004.

11. <http://www.Die-Linke.de/>

12. <http://spiegel.de/>

13. <http://www.zeit.de/>

14. <http://www.welt.de/>

15. <http://www.spd.de/>

16. <http://www.karlsruhe2010.cdu.de/>

17. <http://wikipedia.org/>

18. <http://www.politiknews.org/>